TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HOÀNG MAI** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22 / 8 / 2019
V/v "Yêu cầu ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀNG MAI, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Viết Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Khẩn, bà Phan Thị Hòe

Thư ký phiên toà:Bà Nguyễn Thị Hiền-Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoàng Mai tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Hoàng Mai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 84/2019/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 7 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113 /2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

+Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Nh, sinh năm 1988
Địa chỉ: Thôn S, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An

+Bị đơn: anh Trần Phúc H, sinh 1987
Địa chỉ: Thôn S, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An

+Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
Bà Hồ Thị L, sinh năm 1963
Địa chỉ: Thôn S, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An

Chị Nh, anh H và bà L đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

I.Theo đơn khởi kiện,tài liệu có tại hồ sơ, tại phiên tòa:

1. Nguyên đơn-chị Hồ Thị Nh trình bày:

Chị và anh Trần Phúc H yêu nhau tự nguyện, việc kết hôn được UBND xã Q, thị xã H, Nghệ An cấp giấy chứng nhận Đăng ký kết hôn ngày 02/12/2013. Sau khi kết hôn đến nay, cuộc sống vợ chồng hòa hợp thời gian đầu,về sau lạnh nhạt dần, tình cảm bên nội đối với chị cũng không còn mặn mà như trước, vì chị kết hôn với chị H đã lâu mà không có con, lý do là chị H không có khả năng có con. Chị thấy cuộc sống vợ chồng như vậy là không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, khó bền vững lâu dài. Chị cũng thực sự thấy không muốn ràng buộc hôn nhân với chị H nữa. Chị muốn có con do chính mình sinh ra, trong khi cơ hội về tuổi tác đang còn cho phép, mà không cần phải kiếm con bằng biện pháp khác. Nên đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn chị H.

Về con: Vợ chồng chị không có con chung.

Về tài sản: Sau khi kết hôn,vợ chồng về ở nhà do mẹ chồng (bà Hồ Thị L) làm trước khi cưới chị. Vợ chồng cùng làm ăn, trong đó: vợ chồng trả nợ tiền làm nhà cho bà Hồ Thị L 20.000.000đ (do bà L làm nhà còn nợ nợ trước khi chị kết

hôn với chị H). Sau đó vợ chồng chị làm thêm công trình phụ, xây tường rào trên đất bà L; Mua sắm đồ dùng trong nhà; Máy móc làm nghề và đồ đạc ở quán photo. Chị nhất trí kết quả định giá tài sản chung ngày 07/8/2019 như sau:

-Tài sản tại nhà ở: Một bức tranh gỗ khảm: 1.000.000đ; Một cái điều hòa Sharp 5.000.000đ; một tủ lạnh panasonic 1.000.000đ; Một bồn nước inôc 1,500.000đ; mái tôn sân trước 20.000.000đ; cổng sắt 2 cánh 3.000.000đ; bờ tường rào + trụ cổng 10.000.000đ; Nhà vệ sinh khép kín 70.000.000đ. Cộng = 111.500.000đ.

-Tài sản tại quán photo: Một máy photo Ricoh 5.000.000đ; Một máy in màu 1.000.000đ; Một máy tính bàn DELL 1.500.000đ; 2 tủ nhôm kính+1 tủ kệ sắt 2.600.000đ; hàng hóa trong quán 10.000.000đ. Cộng= 20.100.000đồng.

- Ngoài ra, còn tiền Bảo hiểm Prudential đã đóng phí là 36.000.000đ.

Tổng cộng giá trị tài sản chung là 131.600.000đồng.

Chị yêu cầu chia đôi tài sản chung theo giá trị. Chị xin nhận toàn bộ tài sản ở quán trị giá 20.100.000đồng. Chị H nhận toàn bộ tài sản còn lại là 111.500.000đ và tiền đã đóng phí Bảo hiểm Prudential 36.000.000đ, giao cho anh được thụ hưởng để chị H tự đóng tiếp theo. Nhưng chị H phải trả tiền chênh lệch giá trị cho chị. Yêu cầu bà L phải trả nợ cho vợ chồng 20.000.000đ. Nếu chị H cho phần của chị H được đòi là 1/2 số nợ đó, thì chị yêu cầu trả cho chị 10.000.000đ.

2. Bị đơn-anh Trần Phúc H trình bày:

Anh và chị Nh yêu nhau tự nguyện, việc kết hôn được UBND xã Q cấp Giấy chứng nhận kết ngày 02/12/2013 như chị Nh trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, anh thấy tình cảm vợ chồng bình thường, thỉnh thoảng có xích mích con dâu mẹ chồng và bên nội, nhưng không trầm trọng, các bên đã xin lỗi. Còn anh vẫn yêu thương vợ nên không muốn ly hôn. Đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng đoàn tụ.

+Về con: Vợ chồng anh không có con chung. Nhưng đoàn tụ sau này sẽ tìm các biện pháp để có con, cùng nhau chung sống hạnh phúc.

+Về tài sản: Sau khi kết hôn,vợ chồng về ở nhà do mẹ anh (bà Hồ Thị L) làm trước khi cưới chị Nh. Vợ chồng cùng làm ăn, trong đó: vợ chồng trả nợ tiền làm nhà cho bà Hồ Thị L 20.000.000đ (do bà L làm nhà còn nợ nợ trước khi anh kết hôn với chị Nh). Sau đó vợ chồng chị làm thêm công trình phụ, xây tường rào trên đất bà L; Mua sắm đồ dùng trong nhà; Máy móc làm nghề và đồ đạc ở quán photo. Anh nhất trí kết quả định giá tài sản chung ngày 07/8/2019 gồm:

-Tài sản tại nhà ở: Một bức tranh gỗ khảm: 1.000.000đ; Một cái điều hòa Sharp 5.000.000đ; một tủ lạnh panasonic 1.000.000đ; Một bồn nước inôc 1.500.000đ; mái tôn sân trước 20.000.000đ; cổng sắt 2 cánh 3.000.000đ; bờ tường rào + trụ cổng 10.000.000đ; Nhà vệ sinh khép kín 70.000.000đ. Cộng = 111.500.000đ.

-Tài sản tại quán photo: Một máy photo Ricoh 5.000.000đ; Một máy in màu 1.000.000đ; Một máy tính bàn DELL 1.500.000đ; 2 tủ nhôm kính+1 tủ kệ sắt 2.600.000đ; hàng hóa trong quán 10.000.000đ. Cộng= 20.100.000đồng.

-Ngoài ra, còn tiền phí Bảo hiểm Prudential vợ chồng đã đóng là 36.000.000đ.

Tổng cộng giá trị tài sản chung là 167.600.000đồng.

Nếu phải ly hôn thì tài sản chung chia đôi. Chị Nh lấy gì thì lấy mang đi. Anh không có tiền để bù chênh lệch cho chị Nh. Còn tiền bà L nợ nợ thì anh nhất trí cho bà L kỷ phần của anh được đòi là 10.000.000đ; Còn kỷ phần của chị Nh được đòi thì do Tòa án giải quyết. Anh nhất trí tiền phí Bảo hiểm Prudential

đã đóng là 36.000.000đ đưa vào tài sản chung để chia, nhưng giao cho anh được thụ hưởng để anh tự đóng tiếp theo.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan- bà L trình bày:

Sau khi cưới vợ cho chị H, vợ chồng chị H về sinh sống tại nhà do bà làm như vợ chồng chị H đã trình bày. Sau đó vợ chồng chị H có trả nợ giúp bà 20.000.000đ. Nay vợ chồng ly hôn, bà nhất trí ý kiến chị H, là chị H cho bà 10.000.000đ là phần của anh được đòi; Còn phần nợ của chị Nh 10.000.000đ thì bà nhất trí trả cho chị Nh. Vợ chồng chị H có xây dựng công trình trên đất của bà như chị Nh- chị H trình bày là đúng. Nếu vợ chồng chị H ly hôn thì chia đôi cho chị Nh và chị H: Phần chia cho chị Nh được hưởng thì dỡ mang đi; Phần được chia cho chị H thì để lại trên đất của bà. Bà không yêu cầu gì khác.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoàng Mai phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng. Đề nghị HĐXX áp dụng các điều 56, 38, 59 luật HNGĐ2014; Điều 147 BLTTDS 2015; Điều 27 NQ326/2016/ UBTVQH1: xử cho chị Hồ Thị Nh được ly hôn anh Trần Phúc H. Về tài sản: Chia đôi giá trị tài sản chung của vợ chồng là 167.600.000đ, mỗi người được hưởng ½ giá trị; Buộc bà L phải trả nợ cho chị Nh 10.000.000đ. Các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

(*Toàn bộ nội dung phát biểu thể hiện bằng văn bản số 11/2019/PB-DS, ngày 22/8/2019, được lưu tại hồ sơ vụ án*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Áp dụng Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 để giải quyết.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án về Hôn nhân gia đình "Yêu cầu ly hôn", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Hôn nhân giữa chị Hồ Thị Nh với anh Trần Phúc H đảm bảo các điều kiện kết hôn và được chính quyền địa phương cấp giấy chứng nhận kết hôn, nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Từ đó, xác lập quan hệ quyền và nghĩa vụ vợ chồng, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Cuộc sống vợ chồng hòa hợp thời gian đầu, nhưng thời gian trôi qua nhiều năm không sinh được con chung, nên dần dần rạn nứt. Quan điểm để có con chung giữa 2 người là khác nhau, sinh ra mâu thuẫn. Mặc dù chị H thực lòng đang yêu thương chị Nh, rất muốn đoàn tụ vợ chồng, nhưng chị H không thể đem lại hạnh phúc như mong muốn của chị. Nỗi niềm khát vọng của chị Nh cũng là nguyện vọng chính đáng của người phụ nữ nói chung. Tuy mâu thuẫn không trầm trọng, nhưng theo giá trị của hôn nhân mà chị Nh quan tâm, thì cuộc sống chung với chị H không thể đem lại hạnh phúc bền lâu đối với chị, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Nên giải quyết cho chị Hồ Thị Nh được ly hôn anh Trần Phúc H là phù hợp với thực trạng hôn nhân của vợ chồng, phù hợp với nguyên tắc hôn nhân tự nguyện tiến bộ và quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật HN và GĐ.

Về con chung: Chị Nh với chị H không có con chung, nên miễn xét.

Về tài sản: Tiền bà L nợ vợ chồng 20.000.000đ thì chị H cho bà L kỷ phần được đòi của anh là 10.000.000đ. Còn kỷ phần của chị Nh được đòi là 10.000.000đ, bà L nhất trí trả cho chị Nh. Đó là sự tự nguyện nên chấp nhận.

Các bên nhất trí kết quả định giá ngày 07 tháng 8 năm 2019, có tổng giá trị tài sản chung xác định được là 131.600.000đ; Và số tiền đã đóng phí bảo hiểm Prudential là 36.000.000đ. Tổng cộng tài sản chung là: **167.600.000đồng**.

Do các bên không thỏa thuận được cách phân chia tài sản chung còn lại, nên HĐXX phân tích để phân chia hợp lý như sau:

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị Nh về sinh sống trong nhà do bà Hồ Thị L làm nên. Vợ chồng chị xây dưng công trình phụ, tường bao trên đất của bà là sự đương nhiên đã được bà cho phép. Nay vợ chồng ly hôn, những tài sản gắn liền với đất sẽ có giá trị sử dụng đáng kể, nếu giữ nguyên tại chỗ. Bà L có nhà ở nơi khác, chị H tiếp tục ở đó sau ly hôn, nên giao tài sản gắn liền với đất cho chị H được quyền sở hữu là hợp lý. Bà L cũng nhất trí phần được chia của chị H thì để lại trên đất của bà, cũng là hợp đạo lý và thực tiễn.

Mặt khác, thấy chị Nh đang làm nghề photo, chị xin nhận tài sản ở quán để tiếp tục làm nghề là hợp lý. Chị H trình bày: Tài sản chung chia đôi, anh không có tiền bù chênh lệch giá trị, nên cũng cần xem xét cho phù hợp. Vì thế: Ngoài tài sản ở quán trị giá 20.100.000đ, cần giao thêm cho chị Nh những tài sản không phải tháo dỡ, không gắn liền với đất và công trình, như: Một bức tranh gỗ khảm: 1.000.000đ; Một cái điều hòa Sharp 5.000.000đ; một tủ lạnh Panasonic 1.000.000đ. Cộng= 7.000.000đ. Tổng tài sản mà chị Nh được nhận là: 27.100.000đ.

Chị H được nhận số tài sản còn lại tại nhà ở trên đất bà L và tiền phí bảo hiểm Prudential đã đóng, là (167.600.000đ-27.100.000đ) = 140.500.000đ. Nhưng chị H phải giao lại cho chị Nh tiền chênh lệch giá trị tài sản là: 56.700.000đ.

Giá trị tài sản chị Nh được hưởng là: 83.800.000đ;

Giá trị tài sản chị H được hưởng là: 83.800.000đ.

Tiền vợ chồng cho bà L nợ 20.000.000đ là nợ chung, kỷ phần được đòi nợ ngang nhau. Chị H cho bà L kỷ phần là tự nguyện, đúng pháp luật, nên miễn xét. Chị Nh được quyền đòi nợ bà L 10.000.000đ, bà L cũng đồng ý. Nên buộc bà L phải trả cho chị Nh là đúng pháp luật.

III. Về án phí: Chị Nh phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí chia tài sản; chị H phải chịu án phí chia tài sản, bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 59; khoản 1 Điều 60 Luật HN và GĐ; Khoản 1 Điều 28; khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Các điểm a, b, c khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/QH14.

Xử:

* Cho chị Hồ Thị Nh được ly hôn anh Trần Phúc H.

* Về tài sản:

+Giao cho anh Trần Phúc H được quyền sở hữu những tài sản tại khu vực nhà vợ chồng ở trên đất bà L, gồm: Mái tôn sân trước 20.000.000đ; Cổng sắt 2 cánh 3.000.000đ; Bờ tường rào + trụ cổng 10.000.000đ; Một bồn nước inôc 1.500.000đ;

Nhà vệ sinh khép kín 70.000.000đ; và tiền phí bảo hiểm Prudential đã đóng 36.000.000đ, chị H được quyền đóng tiền phí bảo hiểm tiếp theo để thụ hưởng.

Tổng cộng tài sản chị H được nhận sở hữu trị giá là = 140.500.000đồng.

Nhưng chị H phải giao lại cho chị Nh tiền chênh lệch giá trị tài sản là 56.700.000đồng.

+Giao cho chị Nh được quyền sở hữu những tài sản sau:

- Tài sản tại quán photo, gồm: Một máy photo Ricoh 5.000.000đ; Một máy in màu 1.000.000đ; Một máy tính bàn DELL 1.500.000đ; 2 tủ nhôm kính+1 tủ kệ sắt 2.600.000đ; hàng hóa trong quán 10.000.000đ. Cộng= 20.100.000đồng.

- Tài sản tại nhà vợ chồng ở, gồm: Một bức tranh gỗ khảm: 1.000.000đ; Một cái điều hòa Sharp 5.000.000đ; Một tủ lạnh panasonic 1.000.000đ. Cộng= 7.000.000đồng.

Tổng cộng tài sản mà chị Nh được nhận sở hữu trị giá là: 27.100.000đồng; Và được nhận tiền chênh lệch giá trị tài sản do chị H giao lại là 56.700.000đồng.

Tổng giá trị tài sản chị Nh được hưởng là: 83.800.000đồng;

Tổng giá trị tài sản chị H được hưởng là: 83.800.000đồng.

+ Buộc bà Hồ Thị L phải trả nợ cho chị Hồ Thị Nh 10.000.000đồng.

*Về án phí: Chị Hồ Thị Nh phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án thị xã Hoàng Mai theo biên lại thu tiền số 0006838, ngày 01 tháng 7 năm 2019.

Chị Hồ Thị Nh phải chịu 4.190.000đồng án phí chia tài sản.

Anh Trần Phúc H phải chịu 4.190.000đồng án phí chia tài sản.

Bà Hồ Thị L phải chịu 500.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của BLDS năm 2015,trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An
-VKS tx HM;
- Các đương sự;
- CCTHADS tx Hoàng Mai;
- UBND xã Q
(nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA.

(Đã ký)

Nguyễn Viết Hằng